

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Dự án: Phát triển giống lúa vùng Trung bộ
và Tây Nguyên (Giai đoạn 2006-2010)**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ các Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Luật Xây dựng và lựa chọn nhà thầu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 15/2007/TTLT-BTC-BNN&PTNT ngày 08/3/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho Chương trình giống cây trồng, vật nuôi và giống cây lâm nghiệp (Giai đoạn 2006-2010);

Căn cứ Quyết định số 3433/ QĐ/BNN-XD ngày 31/10/2008 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT phê duyệt Dự án Phát triển giống lúa vùng Trung bộ và Tây Nguyên ;

Xét Tờ trình số 227/TTr-TT- DAG ngày 28/02/2011 của Cục trưởng Cục Trồng trọt và hồ sơ dự án kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính; Cục trưởng Cục Quản lý XDCT (kèm theo Báo cáo thẩm định số 220 /XD- TĐ ngày 17/3/2011),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trên cơ sở những nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 3433/QĐ-BNN-XD ngày 31/10/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nay cho phép điều chỉnh một số nội dung của Quyết định trên như sau:

1. Phần sự nghiệp: Giữ nguyên nội dung, khối lượng đã được duyệt tại Điểm 1, Khoản VI, Điều 1, điều chỉnh đơn giá và giá trị thực hiện (Phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Điều chỉnh Điểm 2, Khoản VI, Điều 1 (Phần xây dựng cơ bản).

2.1- Phần xây dựng.

Ngoài những nội dung đã được phê duyệt tại Tiết 2.1, Điểm 2, Điều 1, nay bổ sung một số hạng mục nhằm khắc phục hậu quả bão lụt như sau:

a/- Xưởng sấy hạt giống: Lợp lại mái tôn (336/780 m²) và gia cố giằng chống bão.

b/- Hàng rào bảo vệ khu sản xuất giống: Xây lại 210 md tường bị đổ;

Trên cơ sở móng tường xây đá học cũ, bổ sung giằng móng BTCT 200#, gia cố trụ BTCT 200# (cách nhau 6m) và trụ xây gạch (220 x 330) cách nhau 6m; Tường xây gạch dày 110, cao 1,8m; Toàn bộ tường quét vôi trắng và màu theo thiết kế.

2.2 - Thiết bị: Trên cơ sở danh mục, số lượng các thiết bị đã được phê duyệt tại Tiết 2.2, Điểm 2, Khoản VI, Điều 1, nay điều chỉnh không đầu tư một số thiết bị để phù hợp yêu cầu thực tế và điều chỉnh giá các thiết bị Phòng kiểm nghiệm giống do thay đổi tỷ giá U SD và đồng Việt Nam (Chi tiết xem phụ lục kèm theo).

3. Điều chỉnh Khoản 7, Điều 1 (Tổng mức đầu tư và nguồn vốn).

3.1- Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư được điều chỉnh: **14.755.707.000 đ**
(Mười bốn tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, bảy trăm linh bảy nghìn đồng)

Chia ra:

a/- Sự nghiệp:	2.906.489.000 đ
. Nhân giống gốc:	783.013.000 đ
. Hoàn thiện QTCN sản xuất giống:	270.352.000 đ
. XD Mô hình trình diễn CNSX giống:	1.223.275.000 đ
. Kiểm nghiệm giống:	164.264.000 đ
. Tập huấn kỹ thuật:	403.666.000 đ
. Quản lý thực hiện:	61.919.000 đ
b/- Xây dựng cơ bản:	11.091.735.000 đ
. Xây lắp:	8.121.313.000 đ
. Thiết bị:	2.178.549.000 đ
. Tư vấn đầu tư xây dựng:	493.082.000 đ
. Quản lý dự án :	211.000.000 đ
. Chi phí khác:	87.791.000 đ
c/- Dự phòng:	757.483.000 đ

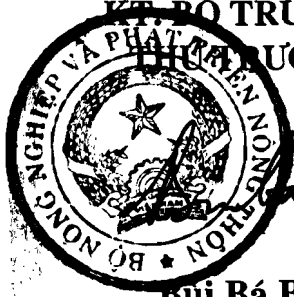
3.2- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.
(Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Những hạng mục phát sinh khắc phục hậu quả cơn bão thuộc Gói thầu nào sẽ giao cho Nhà thầu đã trúng thầu Gói thầu đó thực hiện tiếp; Giao Chủ đầu tư tổ chức thực hiện các việc tiếp theo đúng quy định hiện hành, chịu trách nhiệm trước Bộ và Pháp luật về các Quyết định của mình.

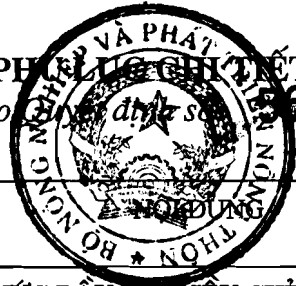
Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng Cục Quản lý XDCT và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH & ĐT;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN (TU, ĐP);
- Cục Trồng trọt;
- Viện KHKTNN Bắc Trung bộ;
- Lưu: VT, XD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bổng

PHƯƠNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-BNN-XD ngày 25 tháng 3 năm 2011)



(Đơn vị tính: 1.000 đ)

TT		ĐƠN VỊ	K.LƯỢNG	GIÁ TRỊ
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH:			14.755.707
A	SỰ NGHIỆP			2.906.489
1	Nhân giống gốc	Ha	11	783.013
2	Hoàn thiện công nghệ SX giống	Q.trình	05	270.352
3	XD mô hình trình diễn CNSX giống	Ha	20	1.223.275
4	Kiểm nghiệm giống	-	31	164.264
5	Tập huấn kỹ thuật			403.666
.	<i>Trong nước (Nhân giống+kiểm định...)</i>	<i>Lớp</i>	<i>8</i>	<i>157.335</i>
.	<i>Nước ngoài (Philipin)</i>	<i>Người</i>	<i>03</i>	<i>246.331</i>
6	Quản lý thực hiện DA (Phân SN)-TT			61.919
B	XÂY DỰNG CƠ BẢN			11.091.735
I	Xây dựng			8.121.313
1	Gói số 5: Nhà trồng (264 m²); Hàng rào bảo vệ (3.458 md); Hệ thống mương tiêu (195 md); Sân nền đồng ruộng (5,517 ha); Giao thông nội đồng (626 md);			4.969.740
2	Gói số 6: Kho bảo quản giống (213 m²); Xưởng sấy (780 m²); Sân phơi (1.836 m²), đường vào khu chế biến (130 md); Cải tạo nhà lưới (384 m²); Cổng vào khu chế biến; Trạm bơm (13 m²)			2.584.909
3	Khắc phục hậu quả bão lụt			566.664
-	Mái tôn xưởng sấy	M ²	336	85.113
-	Hàng rào bảo vệ	md	210	481.551
II	Thiết bị (TB)			2.178.549
1	Gói số 7 (TB ph.vụ s.xuất, chế biến giống)			854.000
1.1	TB đồng ruộng			282.000
-	Máy gặt liên hợp	-	01	180.000
-	Máy tuốt (loại lớn)	-	01	35.000
-	Máy tuốt (loại nhỏ)	-	01	22.000
-	Máy làm đất đa chức năng 24 KM	-	01	45.000
1.2	Dây chuyên sấy, chế biến 228,19KW			572.000
-	Máy sấy 8 tấn/mẻ.	Bộ	01	155.000
-	H.thống chế biến 1,4-1,6 tấn/h.	HT	01	238.000
-	H.thống cân định lượng tự động 50kg.	-	01	179.000
2	Gói số 8 (TB Phòng kiểm nghiệm hạt giống)			1.324.549
a/	Thiết bị ph.tích độ sạch, thuần giống			
-	Bàn I-nox phân tích hạt	-	01	
b/	Thiết bị lấy mẫu			
-	Dụng cụ lấy mẫu noble	Bộ	01	
-	Dụng cụ chia mẫu dạng nón	-	01	
-	Máy làm sạch hạt (Air compressor)	Cái	01	
-	Cân kỹ thuật điện tử	-	01	

<i>c/</i>	Th.bị đo độ ẩm hạt		
-	Th.bị đo độ ẩm nhanh	Cái	01
-	Tủ sấy	-	01
-	Bình hút ẩm	-	01
-	Máy nghiền hạt	-	01
<i>d/</i>	Th.bị kiểm nghiệm nảy mầm		
-	Bàn I-nox đặt nảy mầm		01
-	Giá I-nox	-	01
-	Tủ ẩm phá ngủ	-	01
<i>e/</i>	Th.bị kiểm nghiệm nấm bệnh, vi khuẩn		
-	Tủ nuôi cấy	Cái	01
-	Giá đặt mẫu	Bộ	01
-	Đèn cực tím	-	02
-	Kính hiển vi soi nổi	-	01
-	Nồi hấp tiệt trùng	Bộ	01
<i>f/</i>	Th.bị lưu mẫu		
-	Buồng lưu mẫu	Bộ	01
-	Giá đặt mẫu	Cái	01
-	Máy hút ẩm	-	01
-	Bộ quả cân chuẩn	Bộ	01
<i>g/</i>	Th.bị phòng kiểm nghiệm ch.lượng gạo		
-	Máy loại tạp chất hạt	Máy	01
-	Hệ thống sàng phân loại	HT	01
-	Máy nghiền bột gạo khô	Máy	01
-	Hoá chất phục vụ kiểm nghiệm + phụ tùng, dụng cụ thủy tinh		
III	Tư vấn đầu tư XD		493.082
1	Lập dự án đầu tư		69.000
3	Thiết kế BVTC-TDT		165.169
4	Thiết kế BVTC-DT bổ sung		18.600
5	Thẩm tra thiết kế BVTC, TDT		22.000
5	Lựa chọn nhà thầu XD, TB		30.683
6	Giám sát TC XD, lắp đặt TB		187.630
IV	Quản lý dự án		211.000
V	Chi phí khác		87.791
-	Bảo hiểm công trình (XD+TB)		17.934
-	Kiểm định, chứng nhận chất lượng TB		5.000
-	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán.		26.000
-	Kiểm toán.		38.857
C	DỰ PHÒNG		757.483

Ghi chú: Thiết bị phòng kiểm nghiệm: 64.205 USD x 20.630 VNĐ = 1.324.549.000 đ